BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GLOBAL SUCCESS

Tiếng Anh 1

SÁCH HỌC SINH





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

macmillan education

HOÀNG VĂN VÂN (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN QUỐC TUẤN (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ LAN ANH – ĐỖ THỊ NGỌC HIỀN
NGUYỄN BÍCH THUỶ – LƯƠNG QUỲNH TRANG

Tiếng Anh 1

SÁCH HỌC SINH

(Tái bản lần thứ sáu)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếng Anh 1 – Global Success – Sách học sinh được biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông – Làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cuốn sách giúp học sinh lớp 1 bước đầu làm quen và có nhận thức đơn giản nhất về tiếng Anh, làm tiền đề cho việc hình thành và phát triển năng lực tiếng Anh ở các lớp học sau.

Tiếng Anh 1 – Global Success – Sách học sinh được biên soạn theo một số quan điểm sau:

- Lấy định hướng giao tiếp *(Communicative approach)* làm cơ sở biên soạn sách giáo khoa và các học liệu học tập. Theo đó, *Tiếng Anh 1 – Global Success – Sách học sinh* giúp các em làm quen và rèn luyện các kĩ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết (đặc biệt nhấn mạnh hai kĩ năng nghe và nói). Hệ thống âm, từ vựng, cấu trúc rất đơn giản và cơ bản của tiếng Anh là phương tiện hình thành các kĩ năng giao tiếp.
- Coi hoạt động học của học sinh *(Learning-centred approach)* là trọng tâm của quá trình dạy học.
- Lấy hoạt động học qua chơi, chơi để học làm phương thức cơ bản trong làm quen và học tiếng Anh với đối tượng học sinh nhỏ tuổi.

Tiếng Anh 1 – Global Success – Sách học sinh gồm 16 đơn vị bài học *(Unit)*, được dạy trong 70 tiết. Mỗi đơn vị bài học *(Unit)* có 3 bài học *(Lesson)*, mỗi bài học được dạy trong 1 tiết. Xen kẽ các đơn vị bài học là 4 bài *Fun time*, bao gồm các hoạt động và trò chơi ngôn ngữ, tạo hứng thú trong học tập cho học sinh. Bốn bài *Review* (bao gồm phần *Story* và *Self-check*) được đặt sau mỗi bốn đơn vị bài học giúp học sinh ôn tập, củng cố kiến thức, kĩ năng và tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Mỗi đơn vị bài học có 8 hoạt động chính:

1. Listen and repeat: Giúp học sinh làm quen với âm và từ cơ bản trong chủ đề thông qua các ngữ cảnh giao tiếp.
2. Point and say: Giúp học sinh luyện tập âm và từ chứa âm trong tình huống giao tiếp.
3. Listen and chant: Giúp học sinh nghe, luyện tập và vận dụng âm và từ chứa âm trong các cụm từ hoặc câu đơn giản qua các bài *chant*.
4. Listen and tick: Giúp học sinh luyện nghe âm trong từ, từ chứa âm trong câu.
5. Look and trace/Look, trace and write: Giúp học sinh tập tô các con chữ (chữ hoa và chữ thường) và điền các con chữ còn thiếu vào các từ.
6. Listen and repeat: Giúp học sinh nghe và nhắc lại các cấu trúc câu, các hội thoại đơn giản.
7. Let's talk: Giúp học sinh tập nói các câu và các hội thoại đơn giản qua các tình huống giao tiếp.
8. Let's sing: Giúp học sinh ôn tập, củng cố các âm, từ vựng, cấu trúc câu đã học thông qua bài hát.

Tiếng Anh 1 – Global Success – Sách học sinh là kết quả của sự hợp tác giữa Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Macmillan Education Limited. Phần minh hoạ được thể hiện bằng những tranh ảnh đẹp, hấp dẫn. Các bài nghe hiểu, bài *chant*, bài hát được Nhà xuất bản Macmillan Education Limited thực hiện thu âm tại Anh quốc, giúp các em làm quen với tiếng Anh đích thực của người bản ngữ.

Tập thể các tác giả hi vọng cuốn sách sẽ là tài liệu học tập bổ ích và lí thú cho các em học sinh.

Các tác giả

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

ICONS

1 Listen and repeat. Track



2 Point and say.



3 Listen and chant. Track



4 Listen and tick. Track



5 Look and trace./Look, trace and write.



6 Listen and repeat. Track



7 Let's talk.



8 Let's sing! Track



sach-giao-khoa.com

BOOK MAP

Unit	Phonics	Vocabulary	Sentence patterns	Page
1 In the school playground	Bb	ball, bike, book	Hi, I'm Bill. Bye, Bill.	6
2 In the dining room	Cc	cake, car, cat, cup	I have a car.	9
Fun time 1				12
3 At the street market	Aa	apple, bag, can, hat	This is my bag.	14
4 In the bedroom	Dd	desk, dog, door, duck	This is a dog.	17
Review 1				20
5 At the fish and chip shop	Ii	chicken, chips, fish, milk	I like milk.	23
6 In the classroom	Ee	bell, pen, pencil, red	It's a red pen.	26
Fun time 2				29
7 In the garden	Gg	garden, gate, girl, goat	There's a garden.	31
8 In the park	Hh	hair, hand, head, horse	Touch your hair.	34
Review 2				37

sach-giao-khoa.com

Unit	Phonics	Vocabulary	Sentence patterns	Page
9 In the shop	Oo	clocks, locks, mops, pots	How many clocks? Two.	40
10 At the zoo	Mm	mango, monkey, mother, mouse	That's a monkey.	43
Fun time 3				46
11 At the bus stop	Uu	bus, run, sun, truck	She's running. He's running.	48
12 At the lake	Ll	lake, leaf, lemons	Look at the lemons.	51
Review 3				54
13 In the school canteen	Nn	bananas, noodles, nuts	She's having noodles.	57
14 In the toy shop	Tt	teddy bear, tiger, top, turtle	I can see a tiger.	60
Fun time 4				63
15 At the football match	Ff	face, father, foot, football	Point to your hand.	65
16 At home	Ww	wash, water, window	How many windows can you see? I can see six.	68
Review 4				71
Glossary				74

Unit 1 In the school playground

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 2

Bb

ball

Bill

book

bike

2 Point and say.

Lesson 2

3 Listen and chant. Track 3



B, b, ball.
A ball, a ball.
B, b, a ball.

B, b, book.
A book, a book.
B, b, a book.

B, b, bike.
A bike, a bike.
B, b, a bike.

4 Listen and tick. Track 4

1



a ☐ b ☑

2



a ☐ b ☐

5 Look and trace.

B B B B

b b b b

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 5





7 Let's talk.

Hi, I'm _____.

Bye, _____.





8 Let's sing! Track 6

Hi, I'm Ba.
Hi, I'm Bill.

Hi, Bill. I'm Ba.
Hi, Ba. I'm Bill.



Unit 2 In the dining room

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 7

Cc

cake

car

cup

cat

2 Point and say.

Lesson 2

3 Listen and chant. Track 8

C, c, a cup.
C, c, a cake.
A cup and a cake.

C, c, a cat.
C, c, a car.
A cat and a car.



4 Listen and tick. Track 9

1





a ☐ b ☐

2





a ☐ b ☐

5 Look and trace.

C C C C

c c c c

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 10

I have a car.



7 Let's talk.

I have a _____.



a



b



c



d

8 Let's sing! Track 11

I have a cup.
I have a car.
I have a cup and I have a car.

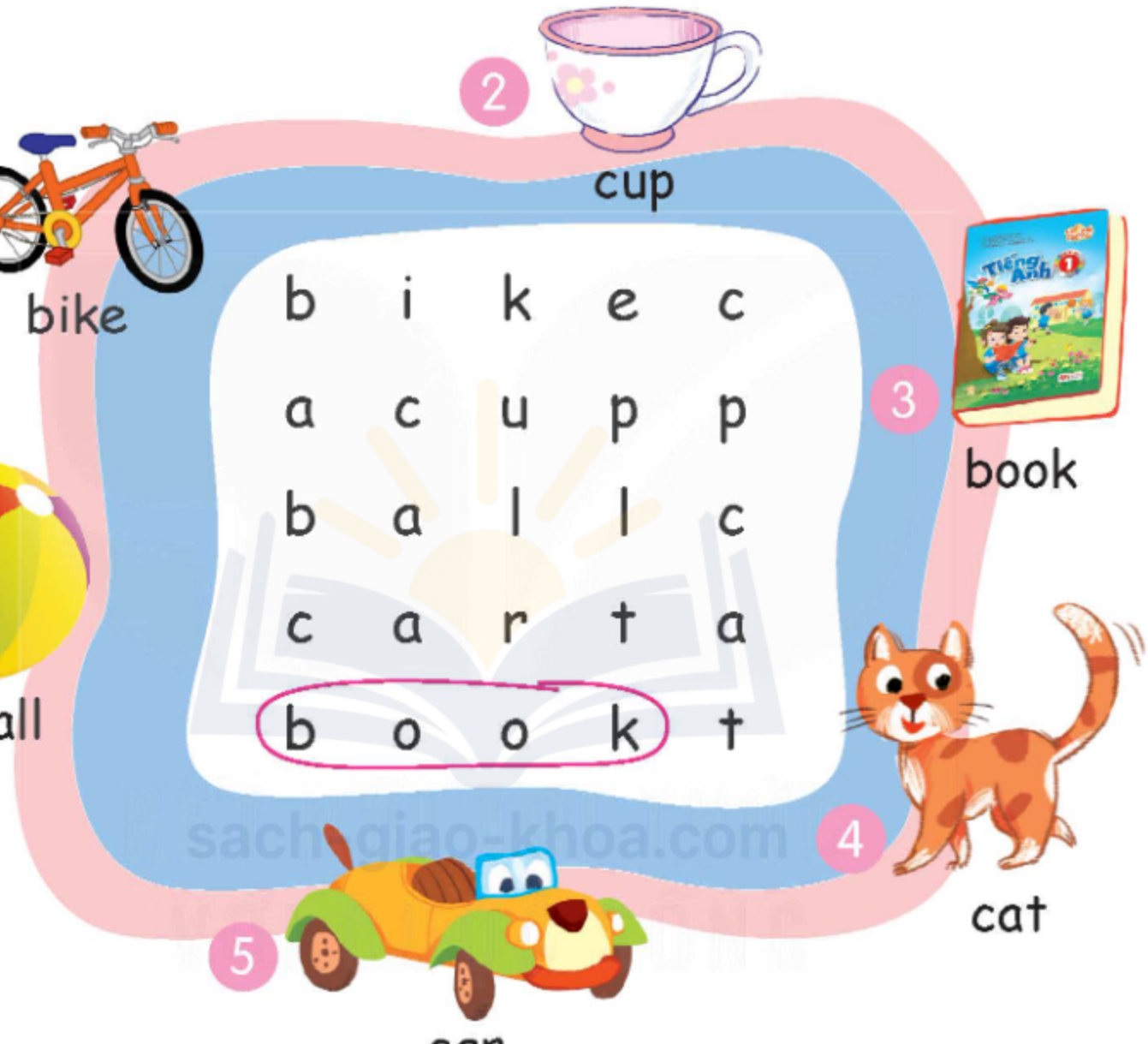
I have a cake.
I have a cat.
I have a cake and I have a cat.

sach-giao-khoa.com

Fun time 1

1 Find and circle. Then say.





2 Let's play.



Simon says



3 Read and tick. Then colour and say.

1. a book



a ☐ b ☐

2. a cup



a ☐ b ☐

3. a ball



a ☐ b ☐

4. a cat

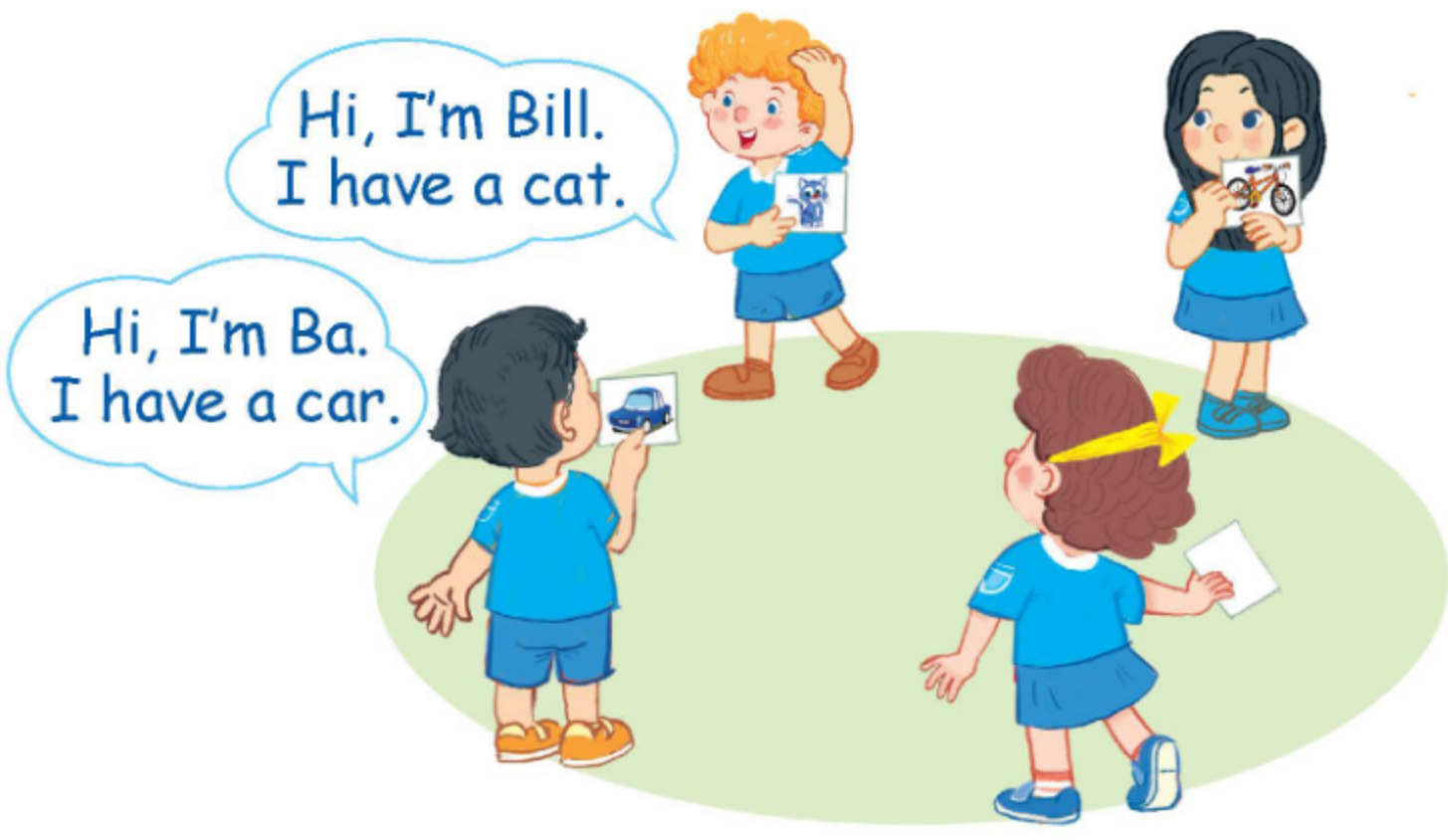


a ☐ b ☐

sach-giao-khoa.com

4 Let's play.

A happy circle



Unit 3

At the street market

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 12

Aa

hat

apple

2 Point and say.

can

bag

Lesson 2



3 Listen and chant. Track 13

A, a, apple.
A, a, bag.
There's an apple
In the bag.

A, a, cat.
A, a, hat.
There's a cat
On the hat.

4 Listen and tick. Track 14

1





a ☐ b ☐

2





a ☐ b ☐

5 Look and trace.

A A A A

a a a a

sach-giao-khoa.com

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 15



This is my bag.



7 Let's talk.



This is my _____.



a



b



c



d

8 Let's sing! Track 16



Hi, hi, hi.
Hi, I'm Ann.
I'm Ann. I'm Ann. I'm Ann.

This is my apple.
This is my hat.
This is my bag.
This is my can.



sách-giáo-khoa.com

Unit 4 In the bedroom

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 17

2 Point and say.

Dd

door

duck

dog

desk

Lesson 2

3 Listen and chant. Track 18

D, d, duck.
D, d, duck.
A duck and a dog.

D, d, door.
D, d, desk.
A door and a desk.



4 Listen and tick. Track 19

1





a ☐ b ☐

2





a ☐ b ☐

5 Look and trace.

D D D D

d d d d

sach-giao-khoa.com

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 20



This is a dog.

7 Let's talk.

This is a _____.



a



b



c



d

8 Let's sing! Track 21



This is a duck.
It's on the desk.

This is a dog.
It's near the door.

And this is a desk.
It's near the window.

sach-giao-khoa.com

Review 1

Phil and Sue

1 Listen and repeat. Track 22



2 Look and circle.



dog cake cat duck book can car ball

Self-check

1 Listen and tick. Track 23

1



a ☐



b ☐

2



a ☐



b ☐

2 Listen and circle. Track 24

1 b d

2 a c

3 b c

4 c d

3 Listen and tick or cross. Track 25



1 ☐



2 ☐



3 ☐



4 ☐

sach-giao-khoa.com

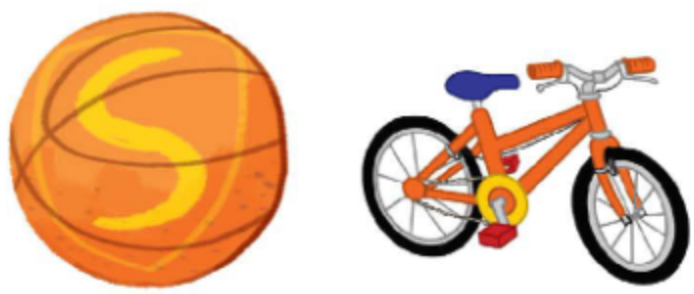
4 Read and tick.

1. Hi!



a ☐ b ☐

2. a ball



a ☐ b ☐

3. a duck



a ☐ b ☐

4. a can



a ☐ b ☐

5 Colour the apple, the ball, the cat and the dog. Then point and say.



apple ball cat dog

Hi, I'm _____. This is my _____.

sách-giáo-khoa.com

Unit 5 At the fish and chip shop

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 26

Ii

fish

chips

milk

chicken

2 Point and say.

Lesson 2



3 Listen and chant. Track 27

I, i, fish.
I, i, chips.
Fish and chips.
Fish and chips.

I, i, milk.
I, i, chicken.
Milk and chicken.
Milk and chicken.

4 Listen and tick. Track 28

1





a ☐ b ☐

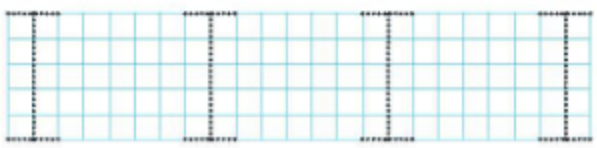
2





a ☐ b ☐

5 Look and trace.





Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 29





I like milk.

7 Let's talk.



I like _____.



a



b



c



d

8 Let's sing! Track 30



Fish and chips.
Fish and chips.
I like fish and chips.

Milk and chicken.
Milk and chicken.
I like milk and chicken.

Unit 6 In the classroom

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 31

red

pencil

pen

bell

Ee

2 Point and say.



Lesson 2

3 Listen and chant. Track 32

E, e, red.
E, e, pen.
E, e, a red pen.

E, e, red.
E, e, pencil.
E, e, a red pencil.

4 Listen and tick. Track 33

1



a ☐ b ☐

2



a ☐ b ☐

5 Look and trace.

E E E E

e e e e

sach-giai-toan.com

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 34

It's a red pen.



7 Let's talk.

It's a red _____.


a


b


c


d

8 Let's sing! Track 35

Hello, I'm Jen. I have a pen.
It's red. It's a red pen.

This is Ben. He has a pencil.
It's red. It's a red pencil.



sách giáo khoa.com
MỌI BƯỚC SỐNG

Fun time 2

1 Circle and match. Then say.



a a f i s h c b p e n d r e d b c h i p s c i p e n c i l b



a b c d e

2 Let's play.



Air drawing



sách-giáo-khoa.com
VỚI CUỘC SỐNG

3 Write and say.







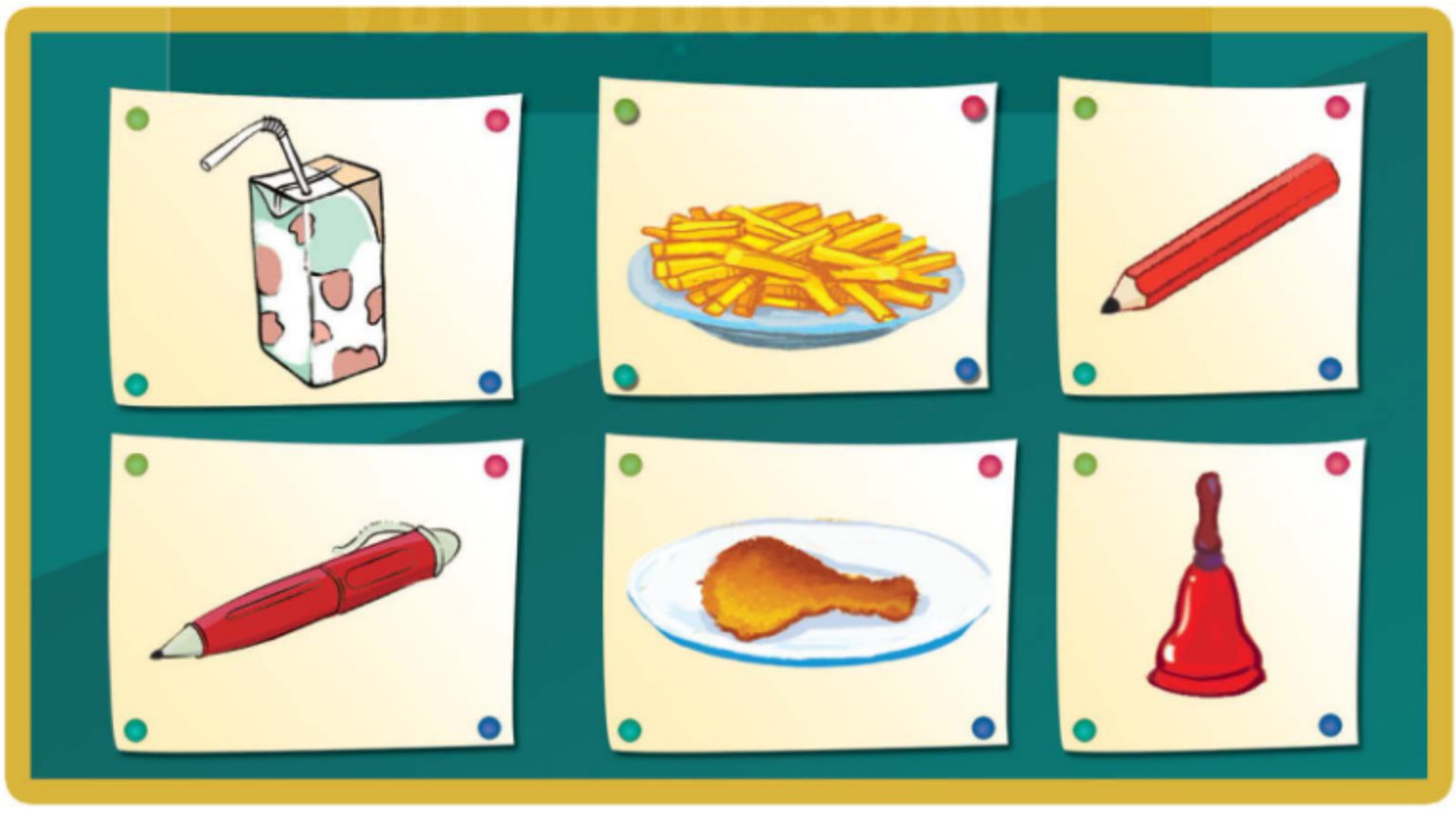


					m
p		n	c		l
					l
					k

4 Let's play.



Slap the board



Unit 7 In the garden

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 36

Gg

girl

garden

goat

gate

2 Point and say.

sach-giao-khoa.com

Lesson 2

3 Listen and chant. Track 37

G, g, goat.
G, g, gate.
A goat and a gate.

G, g, girl.
G, g, garden.
A girl and a garden.



4 Listen and tick. Track 38

1





a ☐ b ☐

2





a ☐ b ☐

5 Look and trace.

G G G G

g g g g

Lesson 3



6 Listen and repeat. Track 39

There's a garden.

7 Let's talk.

There's a _____.



a



b



c



d

8 Let's sing! Track 40



There's a girl
In the garden.
A girl in the garden.
A girl in the garden.

There's a goat
In the garden.
A goat in the garden.
A goat in the garden.

sachgiao-khoa.com

Unit 8 In the park

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 41

Hh

head

hand

horse

hair

2 Point and say.

Lesson 2



3 Listen and chant.

Track 42

H, h, h.
Head and hair.
Hoa's head.
Hoa's hair.

H, h, h.
Hat and hands.
Hoa's hat.
Hoa's hands.

4 Listen and tick.

Track 43

1



a ☐ b ☐

2



a ☐ b ☐

5 Look and trace.

H h h h

n n n n

sach-giao-khoa.com

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 44



Touch your hair.

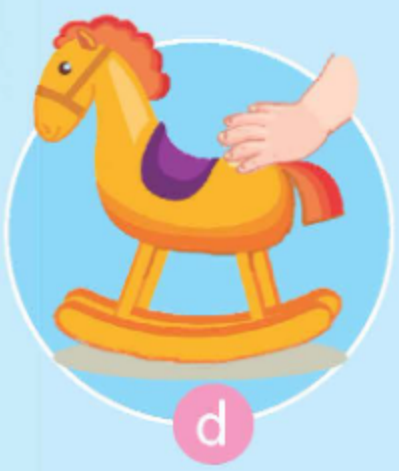
7 Let's talk.

Touch your _____.









8 Let's sing! Track 45

Your head and your hair.
Touch your head.
Touch your hair.





Your hand and your horse.
Your hand and your horse.
Touch your hand.
Touch your horse.

Review 2

1 Listen and repeat. Track 46

Phil and Sue



2 Look and circle.



cat gate girl goat hand head bag ball

Self-check

1 Listen and tick. Track 47

1



a ☐ b ☐

2



a ☐ b ☐

3



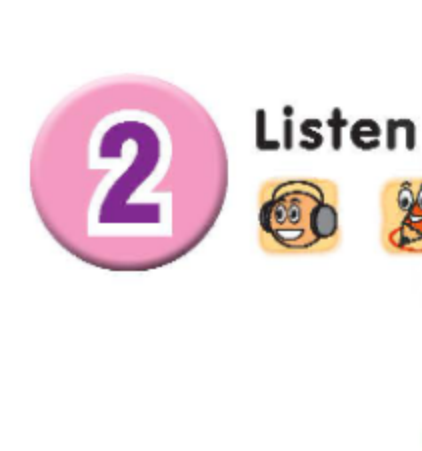
a ☐ b ☐

2 Listen and circle. Track 48

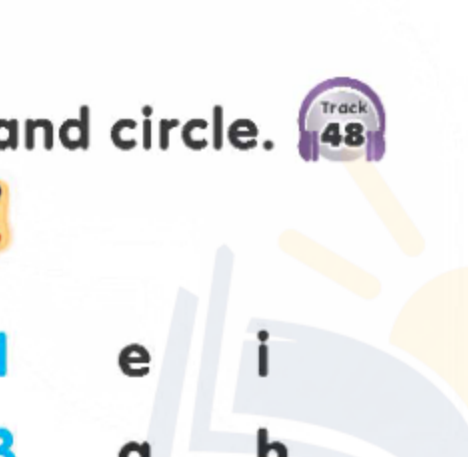
1	e	i	2	e	g
3	g	h	4	h	d

sach-giao-khoa.com

3 Listen and tick or cross. Track 49



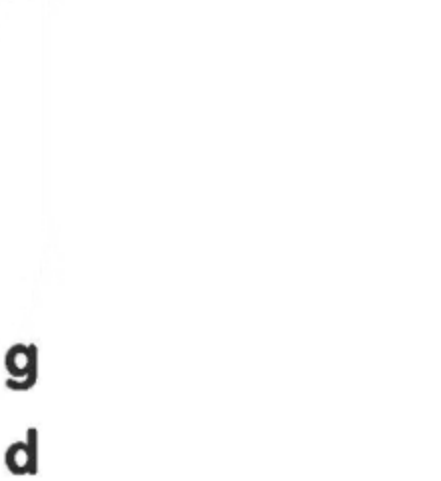
1 ☐



2 ☐



3 ☐



4 ☐

4 Read and tick.

1 chicken




a ☐ b ☐

2 a red pen




a ☐ b ☐

3 milk




a ☐ b ☐

5 Find the words.

fish

gate

goat

hand

p	e	n	c	i	l
f	i	s	h	g	h
m	a	s	c	a	a
i	g	o	a	t	n
l	e	p	r	e	d
k	h	e	a	d	b

head

milk

pencil

red

sach-giao-khoa.com

6 Write the letters.



Unit 9 In the shop

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 50

locks

clocks

mops

pots

Oo

2 Point and say.

Lesson 2



3 Listen and chant. Track 51

O, o, locks and clocks.
There are two locks.
There are three clocks.

O, o, mops and pots.
There are four mops.
There are five pots.

4 Listen and tick. Track 52

1



four clocks a ☐



three mops b ☐

2



two pots a ☐



five locks b ☐

5 Look, trace and write.



m___ps



p___ts



l___cks



cl___cks

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 53

How many clocks?



7 Let's talk.

How many _____?

_____.



a



b



c



d

8 Let's sing! Track 54



One, two. One, two.
There are two clocks.

Two, three. Two, three.
There are three locks.

Three, four. Three, four.
There are four pots.

Four, five. Four, five.
There are five mops.

sach-giao-khoa.com

Unit 10 At the zoo

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 55

Mm

mango

mother

mouse

monkey

2 Point and say.

Lesson 2



3 Listen and chant. Track 56

M, m, m.
M is for monkey.
M is for mouse.
Monkey and mouse.

M, m, m.
M is for mother.
M is for mango.
Mother and mango.

4 Listen and tick. Track 57

1



a ☐



b ☐

2



a ☐



b ☐

5 Look, trace and write.

M M M M

m m m m



___ango



___other



___onkey



___ouse

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 58



7 Let's talk.

That's a _____.



8 Let's sing! Track 59

Monkey, monkey.
That's a monkey.

Mango, mango.
That's a mango.

Mother, mother.
That's my mother.



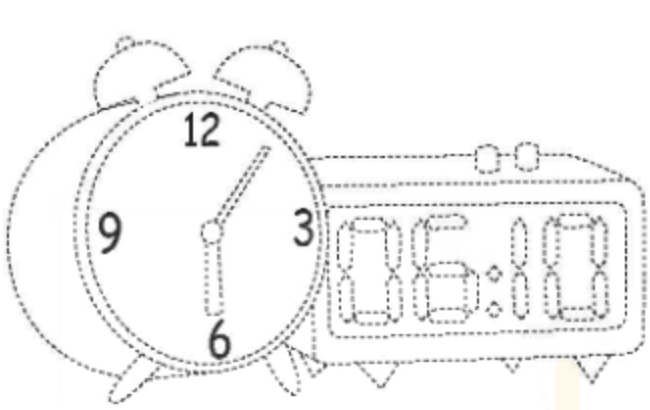
sách-giáo-khoa.com
VỚI CUỘC SỐNG

Fun time 3

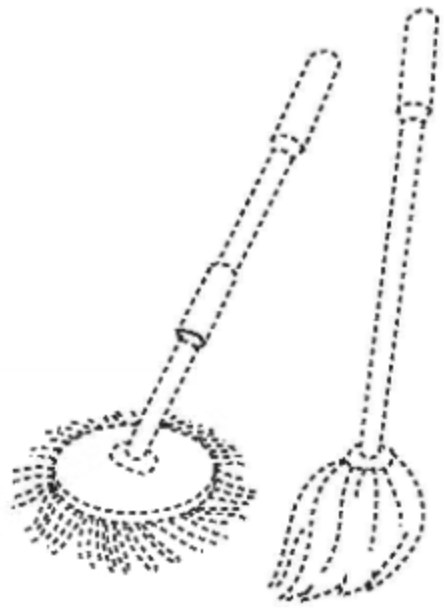
1 Trace and colour. Then point and say.



1



2



3



4



2 Let's play.



Simon says









3 Match and say.

1. five monkeys
2. three clocks
3. two locks
4. four pots

a 

b 

c 

d 

4 Let's play.

Kim's game



sach-giao-khoa.com

Unit 11 At the bus stop

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 60

Uu

sun

truck

bus

running

2 Point and say.

Lesson 2

3 Listen and chant. Track 61

Look at the truck. The truck is moving.
Look at the bus. The bus is moving.

Look at the boy. The boy is running.
The boy is running in the sun.

4 Listen and tick. Track 62

1



a ☐ b ☐

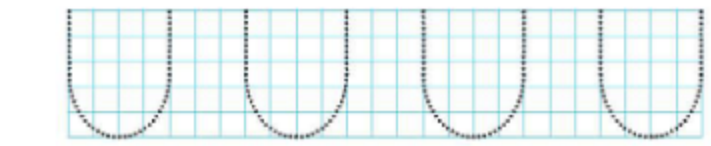
2





a ☐ b ☐

5 Look, trace and write.







b___s



tr___ck

s___n



r___nning

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 63




1. He's running.
2. She's running.



7 Let's talk.






a


b


c


d

8 Let's sing! Track 64



It's a sunny day.
It's a sunny day.
It's a sunny day. It's sunny today.

The boy is running.
The boy is running.
The boy is running in the sun.



Unit 12 At the lake

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 65

Ll

lake

Lucy

leaf

lemons

2 Point and say.

Lesson 2



3 Listen and chant. Track 66

L, l, Lucy.
L, l, lake.
L, l, lemons.

Look at Lucy.
Look at the lake.
Look at the lemons.

4 Listen and tick. Track 67

1



a ☐ b ☐

2



a ☐ b ☐

5 Look, trace and write.



___ucy



___ake



___eaf



___emons

Lesson 3



6 Listen and repeat. Track 68

1. Look at Lucy.
2. Look at the lemons.

7 Let's talk.



8 Let's sing! Track 69



Look at Lucy. Look at Lucy.
Look at Lucy. She's running round the lake.

Look at the leaf. Look at the leaf.
Look at the leaf. It's falling to the ground.

Review 3

Phil and Sue

1 Listen and repeat. Track 70





2 Look and circle.









bus	lake	locks	lemons
monkey	mouse	running	sun

Self-check

1 Listen and tick. Track 71

1



a ☐ b ☐

2



a ☐ b ☐

3



a ☐ b ☐

2 Listen and circle. Track 72

1 m l

2 u o

3 m b

4 u i

3 Listen and tick or cross. Track 73



1 ☐



2 ☐



3 ☐



4 ☐

sach-giao-khoa.com

4 Read and tick.

1 a monkey




a ☐ b ☐

2 running




a ☐ b ☐

3 three pots




a ☐ b ☐

5 Find the words.

bus

lake

leaf

lemons

locks

mouse

pots

sun

a	g	i	h	s	k	u	e
i	l	o	c	k	s	e	h
l	p	b	v	p	o	t	s
o	m	u	l	a	k	e	l
s	t	s	n	f	r	s	e
k	m	o	u	s	e	u	a
l	e	m	o	n	s	n	f
n	o	s	t	u	k	g	h

sach-giao-khoa.com

6 Write the letters.



Unit 13 In the school canteen

Lesson 1

SCHOOL CANTEEN

1 Listen and repeat. Track 74

Nn

Nick

noodles

bananas

nuts

2 Point and say.

Lesson 2

3 Listen and chant. Track 75



Nam, Nam, Nam.
Nuts, nuts, nuts.
Nam's having nuts.

Nick, Nick, Nick.
Noodles, noodles, noodles.
Nick's having noodles.

4 Listen and tick. Track 76

1



a ☐



b ☐

2



a ☐



b ☐

5 Look, trace and write.

N N N N

n n n n



___ick



ba__anas



___oodles



___uts

Lesson 3

6 **Listen and repeat.** Track 77

1. He's having nuts.
2. She's having noodles.



7 **Let's talk.**

He's having _____.

She's having _____.



8 **Let's sing!** Track 78

There's Nam. There's Nam.
Nam's having nuts.
He's having nuts today.

There's Nick. There's Nick.
Nick's having noodles.
He's having noodles today.



Unit 14 In the toy shop

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 79

Tt

teddy bear

top

tiger

turtle

2 Point and say.

Lesson 2

3 Listen and chant. Track 80

T, t, top.
T, t, turtle.
T, t, tiger.
T, t, teddy bear.

Tony has a top.
Tony has a turtle.
Tony has a tiger.
Tony has a teddy bear.



4 Listen and tick. Track 81

1



a ☐



b ☐

2



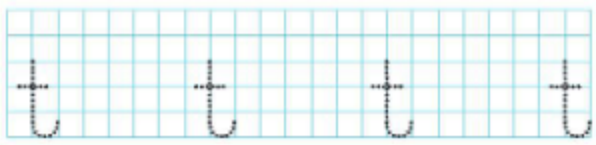
a ☐



b ☐

5 Look, trace and write.







___op



___eddy bear



___urtle



___iger

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 82



I can see a tiger.



7 Let's talk.

I can see a _____.



a



b



c



d

8 Let's sing! Track 83



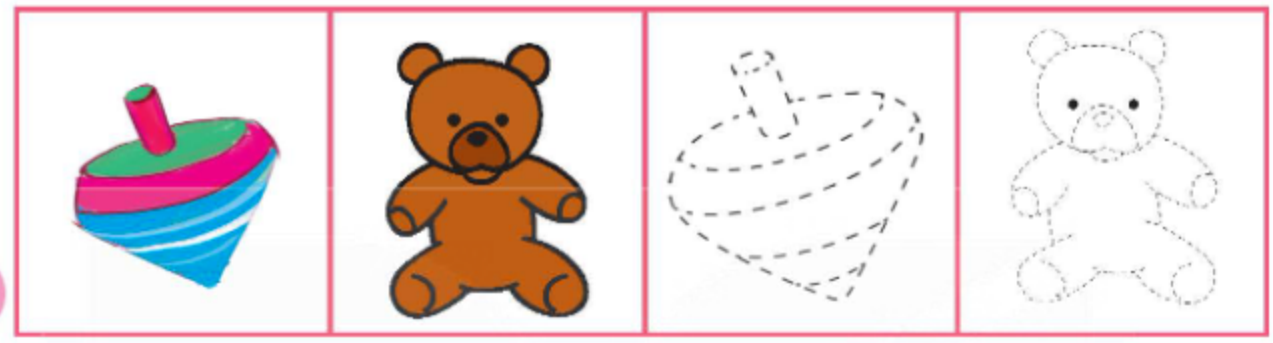
I can see Tony.
I can see Tony.
He's in the toy shop.
He's holding a teddy bear.

I can see a tiger.
I can see a tiger.
It's in the toy shop.
It's on the shelf.

Fun time 4

1 Trace and colour. Then say.





1



2

2 Let's play.



Mystery bag





sach-giao-khoa.com

3 Write and say.



1. ___ ___odles



2. ___ ___ts



3. ___ ___ger

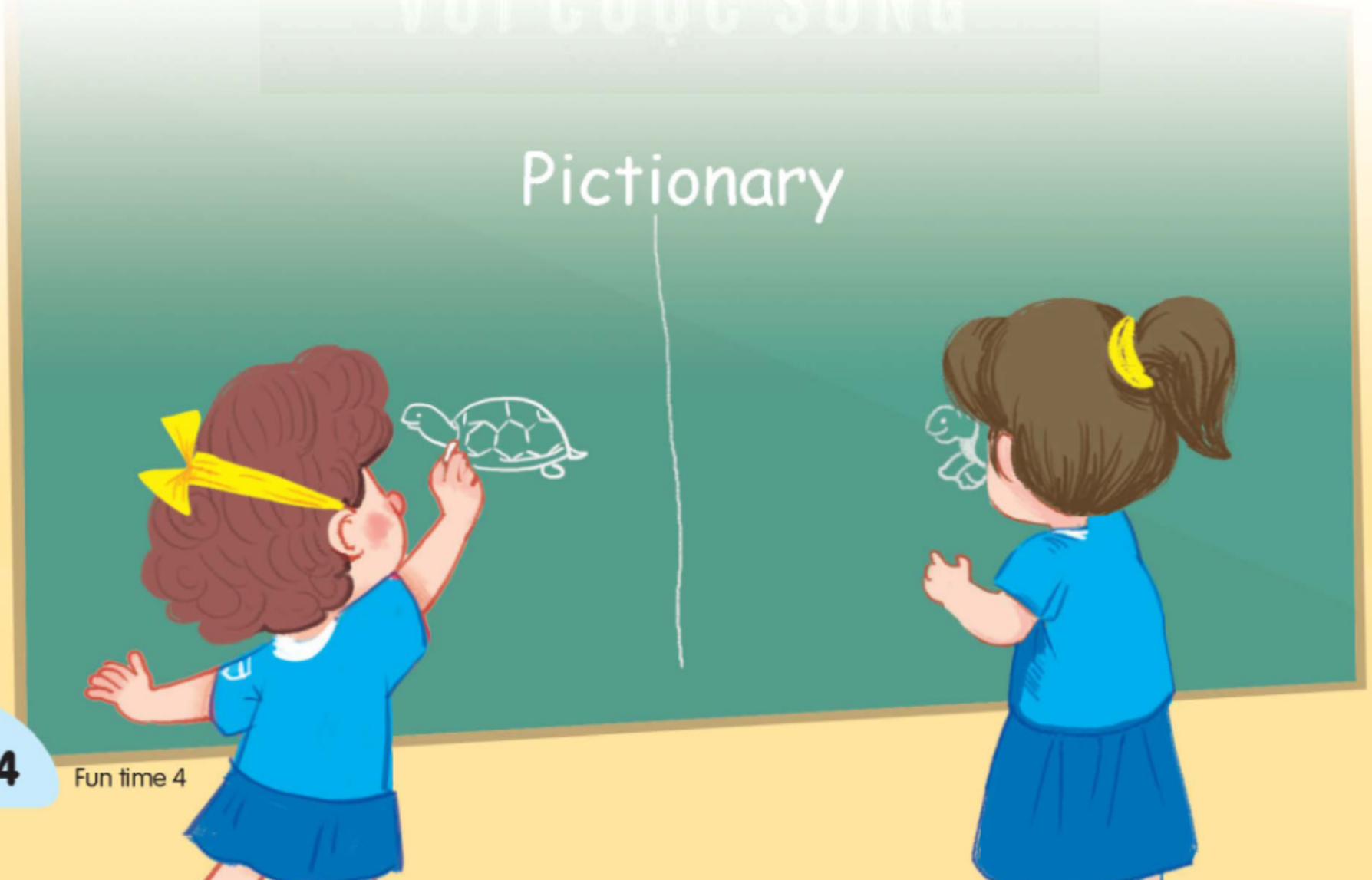


4. b___ ___anas

4 Let's play.



sach-giao-khoa.com
VOI CUOC SONG



Unit 15 At the football match

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 84

Ff

foot

football

face

father

2 Point and say.

Lesson 2



3 Listen and chant. Track 85

F, f, face.
Bill has a lovely face.

F, f, football.
Bill's watching football.

F, f, father.
Father's watching football.

4 Listen and tick. Track 86

1



a ☐



b ☐

2



a ☐



b ☐

5 Look, trace and write.

F f F f

f f f f



___ather



___oot



___ootball



___ace

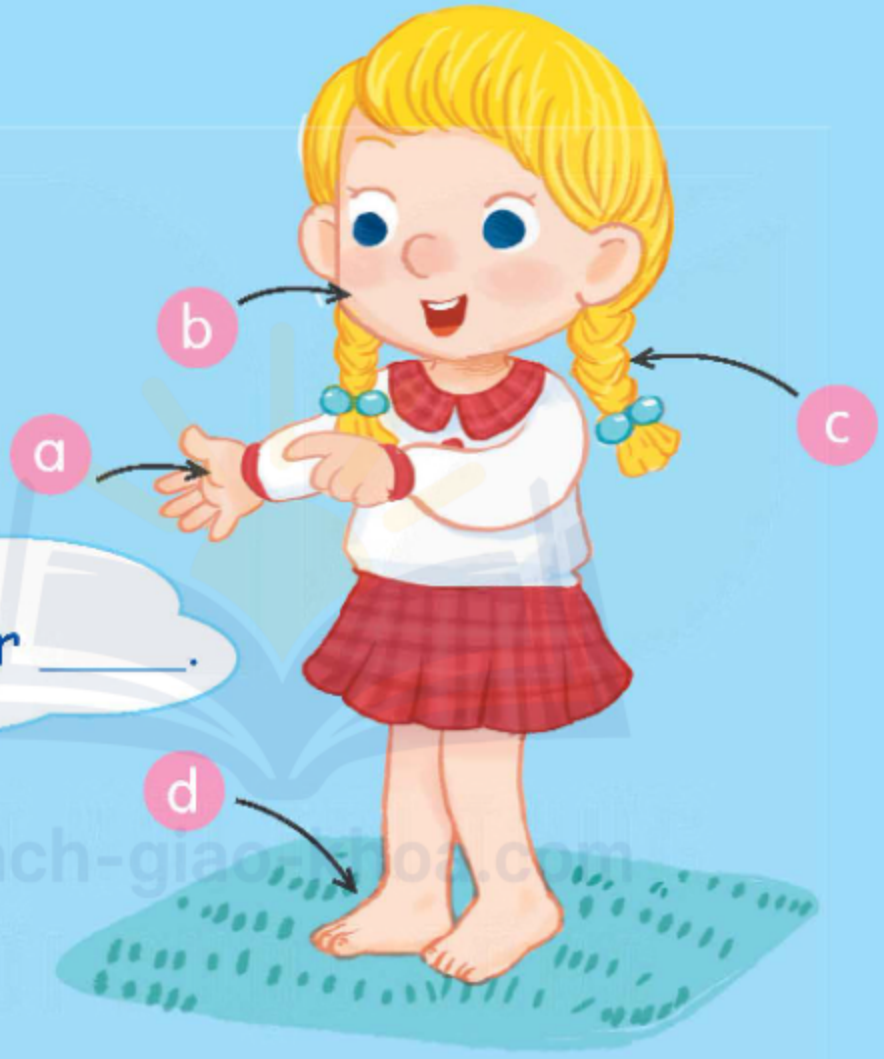
Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 87



Point to your hand.

7 Let's talk.



Point to your _____.

8 Let's sing! Track 88



That's your face.
That's your foot.
Point to your face.
Point to your foot.

That's your hair.
That's your head.
Point to your hair.
Point to your head.

Unit 16 At home

Lesson 1

1 Listen and repeat. Track 89

Ww

window

washing

Wendy

water

2 Point and say.

Lesson 2

3 **Listen and chant.** Track 90

W, w, window.
How many windows?
Six or seven.

W, w, window.
How many windows?
Eight, nine or ten.



Six, seven.
Eight, nine, ten.

4 **Listen and tick.** Track 91

1



six windows



ten lemons

a ☐ b ☐

2



seven tops



eight pens

a ☐ b ☐

5 **Look, trace and write.**

W W W W

w w w w



___endy



___ater



___ashing



___indow

Lesson 3

6 Listen and repeat. Track 92



7 Let's talk.

How many _____ can you see?

I can see _____.



8 Let's sing! Track 93



One, two, three, four.
Wendy's at her bedroom door.

Five, six, seven, eight.
She can see a hat on her bed.

Seven, eight, nine, ten.
She can see a cat at the window.

Review 4

1 Listen and repeat. Track 94

Phil and Sue





2 Look and circle.



face hands foot teddy bear

bus tiger turtle windows

Self-check

1 Listen and tick. Track 95

1



a ☐ b ☐

2



a ☐ b ☐

3



a ☐ b ☐

2 Listen and circle. Track 96

1 o w 2 l n

3 f b 4 d t

3 Listen and tick or cross. Track 97



1 ☐



2 ☐



3 ☐



4 ☐

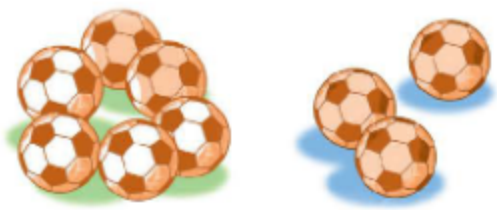
4 Read and tick.

1 father



a ☐ b ☐

2 six footballs



a ☐ b ☐

3 a window



a ☐ b ☐

5 Find the words.

face

father

foot

nuts

w	r	f	o	o	t	i
t	i	g	e	r	d	n
a	y	f	a	c	e	u
f	a	t	h	e	r	t
w	i	n	d	o	w	s
t	u	r	t	l	e	k
q	w	a	t	e	r	g

tiger

turtle

water

window

sach-giao-khoa.com

6 Write the letters.



GLOSSARY

apple	/ˈæpl/	quả táo	U 3
bag	/bæg/	cái túi	U 3
ball	/bɔ:l/	quả bóng	U 1
banana	/bəˈnɑ:nə/	quả chuối	U 13
bell	/bel/	cái chuông	U 6
bike	/baɪk/	xe đạp	U 1
book	/bʊk/	quyển sách	U 1
bus	/bʌs/	xe ô tô buýt	U 11
cake	/keɪk/	cái bánh	U 2
can	/kæn/	lon đồ uống	U 3
car	/kɑ:(r)/	xe ô tô	U 2
cat	/kæt/	con mèo	U 2
chicken	/ˈʧɪkɪn/	thịt gà	U 5
chips	/ʧɪps/	khoai tây chiên	U 5
clock	/klɒk/	cái đồng hồ	U 9
cup	/kʌp/	cái chén	U 2
desk	/desk/	cái bàn học sinh	U 4
dog	/dɒg/	con chó	U 4
door	/dɔ:(r)/	cửa ra vào	U 4
duck	/dʌk/	con vịt	U 4
eight	/eɪt/	tám (8)	U 16
face	/feɪs/	mặt	U 15
father	/ˈfɑ:ðə(r)/	bố	U 15
fish	/fɪʃ/	cá	U 5
fish and chips	/ˌfɪʃ ən ˈʧɪps/	món cá tẩm bột và khoai tây chiên	U 5
five	/faɪv/	năm (5)	U 9
foot	/fʊt/	bàn chân	U 15
football	/ˈfʊtbɔ:l/	bóng đá/quả bóng đá	U 15
four	/fɔ:(r)/	bốn (4)	U 9
garden	/ˈgɑ:dn/	khu vườn	U 7
gate	/geɪt/	cổng ra vào	U 7
girl	/gɜ:l/	cô bé	U 7
goat	/gəʊt/	con dê	U 7
hair	/heə(r)/	tóc	U 8
hand	/hænd/	bàn tay	U 8

sach-giao-khoa.com

hat	/hæt/	cái mũ	U 3
head	/hed/	đầu	U 8
horse	/hɔ:s/	con ngựa	U 8
lake	/leɪk/	hồ nước	U 12
leaf	/li:f/	lá cây	U 12
lemon	/ˈlemən/	quả chanh	U 12
lock	/lɒk/	ổ khoá	U 9
milk	/mɪlk/	sữa	U 5
monkey	/ˈmʌŋki/	con khỉ	U 10
mango	/ˈmæŋgəʊ/	quả xoài	U 10
mop	/mɒp/	cây lau nhà	U 9
mother	/ˈmʌðə(r)/	mẹ	U 10
mouse	/maʊs/	con chuột	U 10
nine	/naɪn/	chín (9)	U 16
noodles	/ˈnu:dlz/	mì	U 13
nut	/nʌt/	hạt lạc	U 13
one	/wʌn/	một (1)	U 9
pen	/pen/	bút mực	U 6
pencil	/ˈpensl/	bút chì	U 6
pot	/pɒt/	cái nồi	U 9
red	/red/	màu đỏ	U 6
run	/rʌn/	chạy	U 11
seven	/ˈsevn/	bảy (7)	U 16
six	/sɪks/	sáu (6)	U 16
sun	/sʌn/	mặt trời	U 11
teddy bear	/ˈtedi beə(r)/	con gấu bông	U 14
ten	/ten/	mười (10)	U 16
three	/θri:/	ba (3)	U 9
tiger	/ˈtaɪgə(r)/	con hổ	U 14
top	/tɒp/	con quay	U 14
truck	/trʌk/	ô tô tải	U 11
turtle	/ˈtɜ:tl/	con rùa	U 14
two	/tu:/	hai (2)	U 9
wash	/wɒʃ/	lau	U 16
water	/ˈwɔ:tə(r)/	nước	U 16
window	/ˈwɪndəʊ/	cửa sổ	U 16

sach-giao-khoa.com

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: LÊ THỊ HUỆ – NGUYỄN THỊ THANH XUÂN
LÊ NGUYỄN HOÀI NGÂN – TRẦN THU HÀ – VŨ THỊ LAI
NGUYỄN ĐẶNG MAI LINH

Biên tập tái bản: TRẦN THU HÀ

Biên tập mĩ thuật: BÙI QUANG TUẤN

Thiết kế sách: BÙI QUANG TUẤN – THÁI THANH VÂN

Trình bày bìa: BÙI QUANG TUẤN

Minh hoạ: NGUYỄN THẾ PHI – NGUYỄN THỊ THANH VÂN – PHÙNG DUY TÙNG

Sửa bản in: TRẦN THU HÀ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Sách được biên soạn, biên tập, thiết kế với sự cộng tác của Nhà xuất bản Macmillan Education Limited và các biên tập viên Ken Wilson, Chantal Serhan.

© Vietnam Education Publishing House (VEPH) & Macmillan (MPC), 2020.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Macmillan (MPC).

TIẾNG ANH 1, SÁCH HỌC SINH – GLOBAL SUCCESS
Mã số: G3HC1A001a26
In .....bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5cm
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/222-09/GD
Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong nộp lưu chiểu quý ... năm ...
Mã số ISBN: 978-604-0-22405-7



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 1, tập một
2. Tiếng Việt 1, tập hai
3. Toán 1, tập một
4. Toán 1, tập hai
5. Tự nhiên và Xã hội 1
6. Đạo đức 1
7. Âm nhạc 1
8. Mĩ thuật 1
9. Hoạt động trải nghiệm 1
10. Giáo dục thể chất 1
11. Tiếng Anh 1 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-22405-7

Giá: 20.500 đ